

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 12/2024/HSST
Ngày 29 - 01 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Anh T – Bí thư Huyện đoàn huyện N H.

2. Ông Nguyễn Đức Khánh – Cán bộ hưu T.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2023/TLST - HS ngày 04 tháng 12 năm 2032 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **VÕ CAO D V**; Tên gọi khác: Không, sinh ngày: 03/01/2009, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A P, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Võ D P và bà Huỳnh Cao Thị N C.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Cao D V là ông Võ D P và bà Huỳnh Cao Thị N C là cha mẹ của bị cáo. Ông P có mặt, bà C vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Cao D V: Ông Nguyễn X P – Trợ giúp viên pháp lý của T2 tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. NGUYỄN T T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 26/6/2006, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn P T, xã N T, huyện T N, tỉnh Quảng Ngãi, nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn T Tvà bà Đào Thị H.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2023 đến nay. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N H; có mặt.

Người đại diện cho bị cáo Nguyễn T T ông Nguyễn T Tvà bà Đào Thị H là cha mẹ của bị cáo; ông Trình vắng mặt, bà H có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T T: Bà Bùi Thị T A– Trợ giúp viên pháp lý của T2 tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị M P, sinh ngày 24/02/2009. Nơi cư trú: Thôn Đ A Đ, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Lê H T, sinh năm 1961 là cha bị hại; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn C T– Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn C T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/4/2023, chị Lê Thị M P, sinh ngày 24/02/2009 là học sinh lớp 9 trường T2 học cơ sở H T nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Võ Cao D V là bạn học cùng lớp để nhờ đổi điện thoại nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của P. V nhắn tin cho P muốn đổi điện thoại phải bù thêm tiền, do không có tiền nên P nhờ V vay giúp. V không vay tiền của ai nhưng nói với P đã vay giúp P số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và trả lãi hàng tuần là 400.000 đồng. Nghe vậy P từ chối không vay và không đổi điện thoại nữa vì lãi quá cao. V hăm dọa P phải bồi thường, nếu không người cho vay sẽ đến nhà. Vì sợ gia đình biết nên P đồng ý và hỏi V về số tiền bồi thường, V nói để V hỏi người cho vay và chụp hình tin nhắn gửi P biết. Sau đó, V nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Nguyễn T T để thông báo và thỏa thuận với T về việc đe dọa, ép buộc P phải bồi thường tiền. T đóng giả người cho vay tiền, giả vờ nhắn tin cho V về nội dung đòi P phải bồi thường 500.000 đồng, nếu không sẽ đến

nhà; V chụp lại tin nhắn có nội dung phải bồi thường số tiền 500.000 đồng gửi cho P xem.

Đến sáng ngày 21/4/2023, V gặp P ở trường và tiếp tục đưa nội dung tin nhắn T đòi tiền, đồng thời hăm dọa P nếu không đưa tiền sẽ bị T chém. V cho T tài khoản Messenger của P để T trực tiếp liên lạc với P, đồng thời V nói T nhờ Dương Q T2, sinh ngày 11/10/2009 bạn học cùng lớp để lấy tiền vì V biết P và T2 chơi thân với nhau. Nghe vậy, T liên lạc nhờ T2 và Phạm Đ T3, sinh ngày 27/02/2008, trú tại thôn T H, xã N T, huyện T N để nhờ lấy tiền của P nhưng không nói rõ nội dung về việc T, V đe dọa, ép buộc P đưa tiền bồi thường cho T2 và Thiên biết.

Sau đó, T, V và T2 liên tục nhắn tin, nói chuyện trực tiếp để hăm dọa, thúc ép P phải trả tiền cho T. lúc đầu, P nghĩ việc bồi thường là nghĩa vụ của mình nên đồng ý bồi thường, xin trả dần thì T đồng ý. Ngày 22/4/2023, T liên tục nhắn tin yêu cầu P phải đưa trước 100.000 đồng trong ngày, nếu không sẽ đến nhà lấy đủ 500.000 đồng. Vì quá lo sợ nên P đã mượn tiền và xin một số bạn trong lớp góp đủ 100.000 đồng để đưa cho T2 vào ngày 24/4/2023, lúc này T2 đã biết rõ V, T đang đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của P nhưng T2 vẫn nhận và đưa lại tiền cho T. Sau khi nhận được tiền thì T, V chia nhau tiêu xài. Đến sáng ngày 25/5/2023, T đến trường nơi P, V và T2 học để gặp P lấy tiền và để thể hiện cho P biết là T không nói giỡn. Vì quá lo sợ nên P xin mẹ số tiền 400.000 đồng để đưa cho T2 số tiền 100.000 đồng vào ngày 26/4/2023 để T2 đưa lại cho V và trực tiếp đưa cho V số tiền 300.000 đồng vào ngày 27/4/2023. Số tiền 400.000 đồng này V giữ, chưa chia cho T. Tổng cộng V và T chiếm đoạt của P 500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N H đã truy tố các bị cáo Võ Cao D V, Nguyễn T T về tội “Cưỡng đoạt **tài sản**” quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 170, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Cao D V mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt Nguyễn T T mức án tù 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn T T và Võ Cao D V đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền chiếm đoạt của Lê Thị M P là 500.000 đồng và bồi thường tổn

thất tinh thần cho P số tiền 2.500.000 đồng. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động cảm ứng, màu xanh, mặt sau có dòng chữ SAMSUNG và 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VSMART.

Người bào chữa cho các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N H truy tố các bị cáo về tội cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên các bị cáo là người chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình; có nhiều tình tiết giảm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Cnh sách hình sự và nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo nhằm tạo điều kiện để các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N H, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N H trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại vắng mặt. Xét thấy, bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Cao D V, Nguyễn T T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N H đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ việc chị Lê Thị M P nhờ đổi điện thoại nên Võ Cao D V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của P. V không vay tiền hộ P nhưng nói dối đã vay giúp P và phải trả gốc, lãi hàng tháng số tiền 750.000 đồng. Khi biết tiền lãi quá cao và lo sợ gia đình biết việc vay tiền để đổi điện thoại nên P trả lời với V không vay tiền thì V đã đe dọa phải trả tiền bồi thường là 500.000 đồng. Để lấy được tiền của P V bàn bạn thống nhất với Nguyễn T T đóng giả làm người cho vay, dùng thủ đoạn nhắn tin, trực tiếp gặp P tại Trường học đe dọa buộc Lê Thị M P phải đưa số tiền 500.000 đồng. Vì quá lo sợ nên trong các ngày 24/4/2023, 26/4/2023 và 27/4/2023, Lê Thị M P đã sử dụng tiền tiết kiệm, mượn thêm tiền của bạn bè, xin của mẹ để đưa cho V, Tsố tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tại trường T2 học cơ sở xã H T, huyện N H. Các bị cáo Võ Cao D V, Nguyễn T T thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần chị Lê Thị M P là người dưới 16 tuổi nhằm chiếm đoạt tài sản nên đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản và nhân thân của người khác nên cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V đã trên 14 tuổi, bị cáo Nguyễn T T đã trên 16 nhưng chưa đủ 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại điểm khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự nên được áp dụng Cnh sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt theo quy định tại các Điều 91 và 101 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo Võ Cao D V và Nguyễn T T đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 500.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm.

Sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; khi phạm tội là người chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về thể chất, nhân cách và tâm sinh lý, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình; đối với Võ Cao D V hiện đang học lớp 9 nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, việc áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội nên cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, thể hiện Cnh sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, giúp đỡ các bị cáo cải tạo, giáo dục để nhận ra sai lầm và sửa chữa những sai lầm của mình. Đề nghị Cnh quyền địa P, nhà Trường và gia đình các bị cáo phối hợp quản lý, giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động cảm ứng, màu xanh, mặt sau có dòng chữ SAMSUNG và 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu VSMART.

[8] Về án phí: Bị cáo Võ Cao D V là người dưới 16 tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn T T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường, tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Cao D V và Nguyễn T T phạm tội “ Cường đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Võ Cao D V 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2024). Giao Võ Cao D V cho Ủy ban nhân dân xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T T 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2024). Giao Nguyễn T T cho Ủy ban nhân dân xã N T, huyện T N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động cảm ứng mặt sau có dòng chữ SAMSUNG, IMEL: 356347/11/782447/9, số imei 1: 356347/11/782447/9, số imei 2: 356348/11/782447/7.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu VSMART, màu xanh, số imei1: 356744101736869, số imei 2: 356744101736877.

Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H.

4. Về án phí: Bị cáo Võ Cao D V được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn T T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- CQCSĐT. CA huyện N H;
- CQTHAHS. CA huyện N H;
- Đội tổng hợp CA huyện N H;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện N H;
- UBND xã H T, huyện N H;
- UBND xã N T, huyện T N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam